

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-PT

Ngày 14 - 9 - 2020

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt, ông Đỗ Tuấn Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa : Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Sơn La bị kháng cáo .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La. Đều có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Ngàn Văn A, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện E. Địa chỉ: Tiểu khu 14, thị trấn E, huyện E, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện E, tỉnh Sơn La (Văn bản ủy quyền số 1092/UBND-VP ngày 21/4/2020). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đại T - Chức vụ: Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 549/GUQ-UBND ngày 26/5/2020). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Ngần A V, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, Sơn La. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Ngần Văn A, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị C trình bày:

Năm 1995, gia đình ông bà khai phá được diện tích đất 2.386m² đất tại Tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La.

Năm 1998 thì ban đo đất UBND huyện đến đo đất, đồng thời cùng năm 1998 vợ chồng ông bà khai phá thêm khoảng 2.500m² đất, tổng diện tích đất gia đình ông bà khai phá là 4.817m². Từ khi khai phá gia đình ông bà trồng ngô, đến khoảng năm 1997 thì trồng cây ăn quả gồm 100 cây mận, 20 cây nhãn và 20 cây hồng, trong đó có những cây đã cho thu hoạch.

Trong quá trình sử dụng diện tích đất 4.817m² ông bà vẫn chấp hành nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước và trên diện tích đất 2.386m² ông bà đã làm 01 nhà xây cấp 4 để ở.

Đến ngày 16/01/2004 ông Ngần Văn A được bầu làm tiểu khu trưởng tiểu khu D, ông A đã chỉ đạo khoảng 20 người chặt phá cây của gia đình ông bà (gồm 100 cây mận, 20 cây nhãn và 20 cây hồng) đồng thời chiếm đoạt diện tích đất khoảng 4.317m² và giao toàn bộ diện tích đất này cho em trai là Ngần A V sử dụng.

Khi đó gia đình ông bà có viết đơn gửi đến UBND thị trấn Nông Trường E yêu cầu UBND thị trấn Nông Trường E giải quyết buộc ông A phải trả lại đất và bồi thường giá trị cây chặt phá, nhưng không thấy UBND thị trấn Nông Trường E giải quyết sự việc. Đến năm 2005 ông B phải đi chấp hành án, đến cuối năm 2010 thì chấp hành xong và trở về địa phương sinh sống.

Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu ông Ngần Văn A và ông Ngần A V có trách nhiệm trả cho gia đình ông diện tích 4.317m² để gia đình ông quản lý, sử dụng.

2. Yêu cầu ông Ngần Văn A và Ngần A V phải bồi thường giá trị 140 cây (100 cây mận, 20 cây nhãn và 20 cây hồng) đã bị chặt phá, giá trị 2.000.000đ/cây, tổng cộng là 280.000.000đ.

Bị đơn ông Ngần Văn A trình bày:

Năm 2001 ông được bầu làm tiểu khu trưởng tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La.

Nguồn gốc đất ông B, bà C khởi kiện là đất rừng ma của dân tộc Thái (D cũ nay là tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E). Từ khi ông sinh ra và lớn lên đã thấy có rừng ma này, ông cũng không biết bà con sử dụng diện tích đất rừng ma từ khi nào. Xung quanh ô nhiễm môi trường nên chuyển rừng ma mới là nghĩa trang của tiểu khu D, nếu ai chết phải chôn cất ở rừng ma mới, khu rừng ma cũ bị bỏ hoang từ năm 1998. Ông Hòa đội trưởng đội D cấm đất thổ cư gần đồi ma cho ông Nguyễn Văn Thuận (là em trai ông B) sau đó ông Thuận chuyển đổi

cho ông Nguyễn Văn B thế nào ông không rõ. Ông B đến ở phá và phát khu vực rừng ma đó, các ngôi mộ được đánh dấu bằng các hòn đá, ông B đã nhổ đi một số, bây giờ chỉ còn lại các hòn đá to đánh dấu các ngôi mộ to. Vì vậy người dân bản Thái ngăn cản không cho khai phá khu vực đó làm ảnh hưởng đến vấn đề tâm linh.

Trong quá trình ông làm tiểu khu trưởng, ông thấy gia đình ông B, bà C có khai phá diện tích đất rừng ma, ông cùng một số người trong tiểu khu đã đến can ngăn.

Đến năm 2003 thì tiểu khu giao diện tích đất rừng ma cho ông bà Niên Chôm quản lý bảo vệ.

Nay ông bà B, C khởi kiện đề nghị ông và ông V trả lại diện tích đất trên và bồi thường giá trị số cây đã chặt phá, ông không nhất trí vì đây là đất rừng ma của đồng bào Thái.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngần A V trình bày:

Diện tích đất tranh chấp đất rừng ma của D cũ nay là tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E. Từ năm 1998 tiểu khu D không cho chôn cất ở rừng ma đó nữa mà chuyển lên chôn cất tập trung ở nghĩa trang của tiểu khu D.

Cuối năm 2010 tập thể xóm 01, tiểu khu D đã giao cho ông quản lý, sử dụng và chăm sóc các phần mộ thuộc diện tích đất ở khu rừng ma đó. Việc giao đất chỉ nói miệng, tập thể xóm họp lại và nhất trí thỏa thuận giao đất cho ông quản lý chứ không có văn bản giấy tờ gì thể hiện việc giao đất. Trong quá trình sử dụng ông đã trồng cây hoa màu và một số cây ăn quả.

Đến nay ông vẫn được giao quản lý, bảo vệ và chăm sóc các phần mộ ở diện tích đất nghĩa trang mới và nghĩa trang cũ. Ông khẳng định diện tích đất ông đang quản lý, sử dụng là diện tích đất nghĩa trang của người Thái trong bản từ trước chứ không phải là đất rừng để khai phá và sử dụng và làm nghĩa vụ với nhà nước.

Nay ông B, bà C đề nghị ông và ông A trả lại diện tích 4.317m² đất và bồi thường giá trị cây đã chặt phá, ông không nhất trí vì toàn bộ diện tích đất đó là đất nghĩa trang của đồng bào Thái.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường E, trình bày:

Việc tranh chấp đất đai giữa ông Ngần Văn A, Ngần A V với ông bà B, C đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn tổ chức hòa giải vào ngày 01/8/2017. Kết quả sau khi kiểm tra hiện trạng đối chiếu với bản đồ địa chính và sổ mục kê của thị trấn quản lý năm 2000 như sau:

Theo sổ mục kê và bản đồ địa chính lập năm 2000 đã được sở Tài Nguyên Môi Trường phê duyệt thửa đất số 54 tờ bản đồ 36, trong đó có 400m² đất ở và 1.986m² đất trồng cây hàng năm khác mang tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn B. Phần đất ở 400m² đã được công nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn B, phần đất còn lại 1.986m² thuộc đất chưa giao thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 36 thuộc quản lý của Nông Trường Cờ Đỏ (nay là Công ty cổ phần Chè Cờ Đỏ E). Hiện nay phần đất này Công ty đã trả lại cho UBND tỉnh và UBND tỉnh đã giao lại cho UBND huyện E xây dựng phương án sử dụng đất. Sau khi có phương

án sử dụng đất của UBND huyện việc công nhận phần diện tích đất đó giao cho ai quản lý, sử dụng sẽ thực hiện theo phương án.

Phần diện tích còn lại là 2500m² hiện nay các đương sự đang tranh chấp là đất đang sử dụng làm đất nghĩa trang D thuộc thửa 53, tờ bản đồ 36. UBND thị trấn đề nghị hiện nay ai đang quản lý sử dụng diện tích đất trên thì có trách nhiệm trả lại cho UBND thị trấn Nông Trường E để sử dụng vào mục đích đất nghĩa trang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện E, trình bày:

Theo hồ sơ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E thì diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 (bản đồ địa chính xã Chờ Lồng năm 1999), thì sổ mục kê quy chủ Nguyễn Văn B. Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 36, sổ mục kê quy chủ là đất nghĩa địa thuộc sự quản lý của UBND thị trấn Nông Trường E.

Ngày 29/02/2016, UBND tỉnh Sơn La ban hành quyết định số 439/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Công ty cổ phần chè Cờ Đỏ E tại xã Tân Lập và thị trấn Nông Trường E. Theo đó Công ty cổ phần Chè Cờ Đỏ E trả lại cho UBND huyện E 44.611.847m² đất không có nhu cầu sử dụng để UBND huyện E quản lý, trong đó có diện tích đất 2.386m² thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ 36 (bản đồ địa chính xã Chờ Lồng năm 1999) sổ mục kê quy chủ Nguyễn Văn B.

Hiện nay, UBND huyện E đang triển khai dự án đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với diện tích đất có nguồn gốc từ Nông Trường; lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) cho các hộ gia đình, cá nhân đối với diện tích đất do các doanh nghiệp trả lại cho huyện quản lý trên địa bàn thị trấn Nông Trường E.

Do đó từ ngày 29/02/2016 (ngày UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 439/QĐ-UBND) cho đến khi được UBND huyện E lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì UBND huyện E giao cho ông Nguyễn Văn B quản lý sử dụng đất mà không được làm thay đổi hiện trạng sử dụng trên mảnh đất này.

Đối với phần diện tích lấn chiếm vào thửa 53, tờ bản đồ số 36 là đất nghĩa địa. Do đó đề nghị giao lại cho UBND thị trấn Nông Trường E quản lý để sử dụng theo quy hoạch.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C rút yêu cầu ông Ngân Văn A và Ngân A V phải bồi thường giá trị 140 cây (100 cây mận, 20 cây nhãn và 20 cây hồng) đã bị chặt phá, giá trị 2.000.000đ/ cây, tổng cộng là 280.000.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/TCDS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166, Điều 579, Điều 583 Bộ Luật dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 26; điểm a, b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C được sử dụng 1.646m² thuộc thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 cùng tài sản trên đất gồm 68 cây cam tại tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La (trong diện tích 44.611.847m² do UBND huyện E đang quản lý).

Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể: Phía Bắc giáp đất ông B, bà C có chiều rộng 10,6m. Phía Nam giáp đường xóm chiều rộng 23,5m. Phía Tây giáp trường học có chiều dài các cạnh là 2,2m, 0,7m, 9,0m, 5,4m, giáp thửa đất số 53 tờ bản đồ 36 có chiều dài các cạnh là 13,0m, 50,0m, 8,8m, giáp ngôi mộ của ông Lường Văn Hạn (bố đẻ ông Lường Văn Yêu) có chiều rộng 1,6m, chiều dài 2,8m. Phía Đông giáp đất nhà ông Thắng có chiều dài là 18,3m, 9,7m, giáp đất ông Hoán có chiều dài các cạnh là 9,4m, 11,2m, 13,7m, 13,6m, 17,6m. Trên đất có 68 cây cam. *(có sơ đồ kèm theo)*.

3. Giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường E, huyện E quản lý 1.376,6m² thuộc thửa đất số 53 tờ bản đồ số 36 tại Tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La.

Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể: Phía Bắc giáp đất trường học có chiều rộng các cạnh là 12,4m, 3,4m. Phía Nam giáp đường xóm chiều rộng các cạnh là 3,1m, 21,7m. Phía Tây giáp đất nghĩa địa (thuộc thửa 53) có chiều dài các cạnh là 18,9m, 53,9 m. Phía Đông giáp đất ông B, bà C có chiều dài các cạnh là 13,0m, 50,0m, 8,8m. *(có sơ đồ kèm theo)*.

4. Buộc ông Ngần A V phải di dời toàn bộ 99 cây Cam nằm trên diện tích 1.376,6m² thuộc thửa đất số 53 tờ bản đồ số 36 tại tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La.

5. Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm A toán giá trị tài sản trên diện tích đất 1.646m² thuộc thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 tại tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La cho ông Ngần A V là 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Thời hạn trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về việc bồi thường số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu) của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị C đối với ông Ngần Văn A và ông Ngần A V.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Do không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm, ngày 13 tháng 7 năm 2020 bị đơn ông Ngần Văn A có đơn kháng cáo với nội dung, không nhất trí với phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về tạm giao thửa đất số 54 tờ bản đồ số

36 tại tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C, vì đây là diện tích đất nghĩa trang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến tranh luận của các đương sự như sau:

- Nguyên đơn: Nhất trí với bản án sơ thẩm, không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn.

- Bị đơn: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về tạm giao thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 tại Tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đồng ý với ý kiến bị đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Ngân Văn A; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/TCDS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo của ông Ngân Văn A:

Về nguồn gốc diện tích 4.317m² đất đang tranh chấp phía nguyên đơn cho rằng là đất được nguyên đơn khai phá từ năm 1995 đến 1998 và làm nhà sử dụng ổn định, trong quá trình sử dụng diện tích đất, gia đình đã chấp hành nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước. Phía bị đơn ông Ngân Văn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngân A V xác định diện tích đất đang tranh chấp diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 53, 54 tờ bản đồ 36 đều là đất nghĩa trang của D, thị trấn Nông Trường E, đã được tập thể bản giao cho ông V quản lý sử dụng.

Các tài liệu chứng cứ cấp sơ thẩm đã thu thập gồm:

- Biên bản xác minh ngày 18/5/2020 đối với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện E thì thửa đất số 53 tờ bản đồ số 36 quy chủ tên sử dụng đất là tập thể D, thị trấn Nông Trường E có diện tích là 4.437m² là đất nghĩa địa do UBND thị trấn Nông Trường E quản lý; đối với thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 theo sổ mục kê và bản đồ địa chính năm 2000 thì thửa đất trên quy chủ cho ông Nguyễn Văn B có diện tích đất là 2.386m² là đất thổ cư nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ;

- Biên bản xác minh ngày 07/5/2020 đối với Công ty Cổ phần chè Cờ Đỏ kết quả xác định thửa đất số 53, 54 tờ bản đồ 36 trước đây thuộc quyền quản lý của Công ty Cổ phần chè Cờ Đỏ. Theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29/02/2016, UBND tỉnh Sơn La thu hồi và giao cho UBND huyện E quản lý;

- Kết quả xác minh với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện E: thửa đất số 53 tờ bản đồ 36 đã quy chủ sử dụng là tập thể D, thị trấn Nông trường E có diện tích là 4.437m² đất do UBND thị trấn Nông Trường E quản lý; thửa đất

số 54, tờ bản đồ số 36 sổ mục kê và bản đồ địa chính năm 2000 thì thửa đất này đã quy chủ cho ông Nguyễn Văn B có diện tích 2.386m², nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ;

- Ý kiến của UBND thị trấn Nông trường E: Theo sổ mục kê và Bản đồ địa chính lập năm 2000 đã được Sở tài nguyên phê duyệt năm 2000 thì thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 có 400m² đất ở tại đô thị và 1.986m² đất trồng cây hàng năm khác mang tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn B; phần diện tích đất còn lại đang tranh chấp thuộc thửa đất số 53 tờ bản đồ số 36 thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn Nông Trường E đang sử dụng vào mục đích nghĩa trang;

- Ý kiến của UBND huyện E: Đối với diện tích 44.611.847m² đất Công ty cổ phần Chè Cờ Đỏ E trả lại cho UBND huyện E, trong đó có 2.386m² thuộc thửa số 54 tờ Bản đồ số 36 (Bản đồ địa chính xã Chờ Lồng năm 1999) sổ mục kê quy chủ ông Nguyễn Văn B. Hiện nay, UBND huyện E đang triển khai dự án đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với diện tích đất có nguồn gốc từ Nông Trường; lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân đối với diện tích đất Công ty Cổ phần chè Cờ Đỏ E và một số doanh nghiệp khác trả lại cho huyện quản lý trên địa bàn thị trấn Nông Trường E. Do đó từ ngày 29/02/2016 (ngày UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 439/QĐ-UBND) cho đến khi được UBND huyện E lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì UBND huyện E giao cho ông Nguyễn Văn B quản lý sử dụng đất mà không được làm thay đổi hiện trạng sử dụng trên mảnh đất này. Đối với diện tích đất lấn chiếm vào thửa 53 tờ bản đồ số 36 hiện đang tranh chấp là đất nghĩa địa, thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn Nông Trường E;

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất đối với diện tích thửa đất tại thửa số 54 và phần diện tích đất tranh chấp tại thửa số 53 tờ bản đồ số 36 ngày 07/5/2020 đã xác định diện tích đất thực tế đang tranh chấp và định giá tài sản trên đất để giải quyết tranh chấp.

Căn cứ những tài liệu chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Đối với thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 đã quy chủ cho ông B tuy chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng đã được UBND huyện E nhất trí giao cho ông B quản lý sử dụng trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền hoàn tất hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này, nên cấp sơ thẩm đã quyết định tạm giao cho ông Nguyễn Văn B quản lý và sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Việc bị đơn ông Ngàn Văn A kháng cáo không nhất trí tạm giao diện tích đất đang tranh chấp tại thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 (bản đồ địa chính xã Chờ Lồng năm 1999, hiện đang quy chủ ông Nguyễn Văn B) cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C quản lý sử dụng là không có căn cứ, mặt khác ông Ngàn Văn A cũng không phải là người đang quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm ông A không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ khác để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2] Từ các căn cứ phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Ngàn Văn A về việc không nhất trí tạm giao cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C quản lý và sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ngần Văn A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166, Điều 579, Điều 583 Bộ Luật dân sự; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngần Văn A về việc không nhất trí tạm giao cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C quản lý và sử dụng diện tích đất 1.646m² tại thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2020/HNGĐ-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện E như sau:

1. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C được sử dụng 1.646m² thuộc thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 cùng tài sản trên đất gồm 68 cây Cam tại tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La (trong diện tích 44.611.847m² do UBND huyện E đang quản lý).

Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể: Phía Bắc giáp đất ông B, bà C có chiều rộng 10,6m. Phía Nam giáp đường xóm chiều rộng 23,5m. Phía Tây giáp trường học có chiều dài các cạnh là 2,2m, 0,7m, 9,0m, 5,4m, giáp thửa đất số 53 tờ bản đồ 36 có chiều dài các cạnh là 13,0m, 50,0m, 8,8m, giáp ngôi mộ của ông Lương Văn Hạng (bố đẻ ông Lương Văn Yêu) có chiều rộng 1,6m, chiều dài 2,8m. Phía Đông giáp đất nhà ông Thắng có chiều dài là 18,3m, 9,7m, giáp đất ông Hoàn có chiều dài các cạnh là 9,4m, 11,2m, 13,7m, 13,6m, 17,6m. Trên đất có 68 cây cam. *(có sơ đồ kèm theo)*.

2. Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm A toán giá trị tài sản trên diện tích đất 1.646m² thuộc thửa đất số 54 tờ bản đồ số 36 tại Tiểu khu D, thị trấn Nông Trường E, huyện E, tỉnh Sơn La cho ông Ngần Văn A là 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Thời hạn trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

- Về án phí: Ông Ngần Văn A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000984 ngày 13/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Sơn La không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Huy Hiệp